

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **90/2020/HS-ST**
Ngày 25/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và ông Trần Khắc Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Hà Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/8 và 25/9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2020/TLST-HS, ngày 08 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/HSST-QĐ ngày 03/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/HSST-QĐ ngày 21/8/2020 đối với các bị cáo:

1, **Nguyễn Văn Y.**, sinh ngày 02/9/1981 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 2/12, dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1955; vợ: Đỗ Thị T, sinh năm 1982 (đã ly hôn); con: 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004; Anh chị em ruột: 03 người, bị cáo là thứ 2; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2, **Vũ Văn B.**, sinh ngày 23/4/1995 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12, dân tộc: Kinh; con ông Vũ Văn M, sinh năm 1955 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1957; vợ: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995; con: 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; Anh chị em ruột: 07 người, bị cáo là thứ 7; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

3, **Dương Văn P.**, sinh ngày 07/8/1976 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12, dân tộc: Kinh; con ông Dương Văn B, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm

1955; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; con: 03 con, lớn nhất sinh năm 1998 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 2013; Anh chị em ruột: 03 người, bị cáo là thứ 1; tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án, Bản án số 342/2003/HSPT ngày 20/3/2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt Dương Văn P.. 02 năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, tổng hợp 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản của Bản án số 34/2000/HSST ngày 21/11/2000 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang buộc bị cáo Phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 09 tháng tù, bồi thường cho bị hại 16.000.000 đồng. (Ngày 01/9/2004 được đặc xá tha tù trước thời hạn, nộp xong án phí ngày 22/10/2003, đã thi hành khoản bồi thường 2.420.000 đồng, còn lại là 13.580.000 đồng chưa thi hành).

Nhân thân: Ngày 27/9/2018 bị UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 8.500.000 đồng về hành vi mua bán khoáng sản (than đá) không có nguồn gốc hợp pháp (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5152/QĐ-XPVPHC). Ngày 02/10/2018 đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/4/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

** Bị hại:*

1. Anh Trần Anh T., sinh năm 1990; trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

2. Chị Ngô Thị T., sinh năm 1983; trú tại: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

3. Anh Lục Văn Q., sinh năm 1976; trú tại: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Kỳ A., sinh năm 2000; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

2. Công ty tài chính V.

Địa chỉ: Tầng 02, tòa nhà R, phường 2, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G. – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Tuấn A. – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm An ninh (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 24/3/2020 đến ngày 08/4/2020 các bị cáo Nguyễn Văn Y., Vũ Văn B., Dương Văn P.. đã có hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 24/3/2020 bị cáo Nguyễn Văn Y. rủ bị cáo Dương Văn P. lên thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp tài sản (xe mô tô), P. đồng ý. Y. dùng xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 98B3-415.48 (đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Y.) và mang theo bộ dụng cụ vạm phá khóa xe mô tô để đi trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ 30 phút 02 bị cáo đến huyện S, tỉnh Tuyên Quang, P. điều khiển xe mô tô chở Y.

ngồi sau chỉ đường đi tìm thấy xe nào sơ hở thì trộm cắp. Khi đến khu vực công Trung tâm y tế huyện Sơn Dương thuộc tổ dân phố K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang Y. xuống xe quan sát, P. đứng ngoài cảnh giới, quan sát thấy tại khu vực nhà để xe của Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương không có người, Y. đi bộ một mình vào trong thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 22B2-448.22 của anh Trần Anh T. đang dựng tại nhà để xe phía bên phải, Y. dùng vạm phá ổ khóa và điều khiển xe ra ngoài, sau đó P. điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-415.48, Yên điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B2-448.22 cùng đi về nhà ông Lý Văn A. tại thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (ông A. là người quen của Y.), trên đường đi Y. dùng xe tháo biển số xe giấu vào áo mưa. Sau đó Y. nhờ Nguyễn Xuân T, trú tại thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (T. là người quen của Y. đang đi chơi tại nhà bạn ở xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-415.48 của Y. về tỉnh Bắc Giang, Y. cùng P. điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được về xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cuối tháng 3/2020 Y. bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B2-448.22 cho một người đàn ông (không xác định được họ, tên, địa chỉ) tại khu vực Làng Thuyền, thành phố B, tỉnh Bắc Giang được 3.700.000 đồng, Y. chia cho P. 1.000.000 đồng, số tiền này các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 33/KL-DGTS ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 22B2-448.22 có giá trị 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*)

Vụ thứ hai: Ngày 04/4/2020 Nguyễn Văn Y. rủ Vũ Văn B. lên địa bàn huyện S, tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp xe mô tô. Y. chuẩn bị xe mô tô biển kiểm soát 98B3-415.48 và bộ dụng cụ vạm phá khóa xe mô tô, sau đó B. điều khiển xe mô tô chở Y. cùng đi đến nhà ông Lý Văn A., cả hai ăn cơm và nghỉ tại đây. Đến sáng ngày 08/4/2020 Y. cùng B. điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-415.48 đi quanh khu vực xã M. và xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để tìm tài sản trộm cắp nhưng không được, sau đó cả hai quay về nhà ông A.. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày B. tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Y. đi đến khu vực Thôn V, xã T, huyện S. thì phát hiện có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu đỏ, đen, biển kiểm soát 22S1-269.54 của chị Ngô Thị T. đang dựng ở lề đường, B. dùng xe lại, Y. xuống xe quan sát thấy không có người, Y. dùng vạm phá ổ khóa xe, khởi động nổ máy xe và điều khiển xe đi về nhà ông A. cất giấu.

Tại kết luận định giá tài sản số 29 ngày 16/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 22S1-269.54 có giá trị 13.491.520 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm chín mươi một nghìn năm trăm hai mươi đồng*).

Vụ thứ ba: Khoảng 16 giờ ngày 08/4/2020, sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô trên B. tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-415.48 chở Y. lên khu vực xã C, huyện S để tìm xe mô tô trộm cắp, khi đến khu vực đường bê tông ven sông Lô thuộc Thôn P, xã C, huyện S thì phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, biển kiểm soát 22K8-5807 của anh Lục Văn Q. đang dựng ở ven đường, quan sát không có người, Yên xuống xe dùng vạm phá ổ khóa điện và trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 22K8-5807 điều khiển đi về xã T. vào nhà ông A., cả hai ăn uống và nghỉ tại đây. Khoảng 22 giờ cùng ngày Y. điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22K8-5807, B. điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22S1-269.54 vừa trộm cắp được đi về tỉnh Bắc Giang, cùng ngày Y. đăng

tin cần bán chiếc xe mô tô trên lên hội mua bán xe cũ trên trang Facebook, sau đó có một người đàn ông (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) hẹn Y. ra ngã ba Q, thành phố B, tại đây Y. bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22K8-5807 được 3.950.000 đồng, Y. chia cho B. 1.600.000 đồng, số tiền trên các bì cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 14/4/2020 B. bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22S1-269.54 cho Hoàng Kỳ A. với giá 5.500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 42 ngày 04/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 22K8-5807 có giá trị 3.540.000 đồng (*Ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Vật chứng: Ngày 16/4/2020 Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Hoàng Kỳ A. 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ biển kiểm soát 22S1-269.54. Tạm giữ của Nguyễn Văn Y. 01 bộ vam khóa, 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá, 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3-415.48. Ngày 21/5/2020 đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 22S1-269.54 cho chủ sở hữu là chị Ngô Thị T. do ông Nghiêm Văn H. (người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị T.) nhận thay. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22K8-5807; 22B2-448.22 hiện không thu giữ được.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKSSD ngày 07 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Y., Vũ Văn B., Dương Văn P. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn Y., Vũ Văn B., Dương Văn P. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Y. từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/4/2020).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn B. từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/4/2020).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn P. từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (23/4/2020).

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ vam khóa, 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 phần chiếc xe mô tô biển số 98B3-415.48 sau khi bán hóa giá trừ đi khoản tiền 8.840.000 đồng bị cáo Y. còn nợ trả cho Công ty tài chính V., số còn lại tịch thu sung quỹ nhà nước.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật Dân sự tuyên các bị cáo Nguyễn Văn Y. và Vũ Văn B. có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lục Văn Q. số tiền 15.000.000 đồng, chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường 7.500.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn Y. và Dương Văn P. có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Trần Anh T. số tiền 3.400.000 đồng, chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường 1.700.000 đồng.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo; các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản; nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại: Chị Ngô Thị T. khai tại cơ quan điều tra (BL từ 168 - 171) thể hiện: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/4/2020 chị điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave α màu đỏ, đen, BKS 22S1 – 269.54 đến đồi Xe đạp thuộc Thôn V, xã T, huyện S. để đi làm, đến nơi chị dựng xe ở ven đường và lên đồi chè hái chè. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, hái chè xong chị đi xuống đường lấy xe về thì không thấy xe đâu. Chị đi bộ về nhà kể cho người nhà biết việc mất xe và tổ chức đi tìm nhưng không thấy. Ngày 16/4/2020 chị được cơ quan Công an huyện Sơn Dương gọi ra làm việc và sau đó đã trả lại xe mô tô cho chị. Về phần dân sự chị đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì, về hành vi của các bị cáo đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Anh Lục Văn Q. khai tại cơ quan điều tra (BL từ 189 - 192) và tại phiên tòa ngày 17/8/2020 thể hiện: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 8/4/2020 anh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Dream, màu nâu, BKS 22K8 – 5804 từ nhà đến khu vực đường đê ven sông Lô thuộc thôn Phú Lương, xã Cấp Tiến để đuổi trâu. Đến nơi anh dựng xe trên đường đê và đi xuống ruộng đuổi trâu, khoảng 30 phút sau anh lên đường lấy xe đi về thì không thấy xe đâu. Anh có đi tìm xung quanh nhưng không thấy. Ngày 27/4/2020 anh được Cơ quan Công an huyện Sơn Dương gọi lên làm việc anh mới biết các bị cáo Nguyễn Văn Y., Vũ Văn B. trộm cắp xe mô tô của anh. Nay anh đề nghị các bị cáo bồi thường giá trị xe cho anh là 15.000.000 đồng, về hành vi của các bị cáo đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Anh Trần Anh T. khai tại cơ quan điều tra (BL từ 181 - 184) thể hiện: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 24/3/2020 anh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Dream, màu nâu, BKS 22D2 – 448.22 từ nhà đến cơ quan là Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương thuộc tổ dân phố Kỳ Lâm, thị trấn S để đi làm. Đến nơi anh dựng xe ở nhà để xe của cơ quan rồi vào cơ quan làm. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày anh ra lấy xe đi về thì không thấy xe. Anh có đi tìm và nhờ camera của nhà dân phát hiện xe mô tô bị 2 thanh niên trộm cắp mất. Ngày 23/4/2020 anh được Cơ quan Công an huyện Sơn Dương gọi lên làm việc anh mới biết các bị cáo Nguyễn Văn Y., Dương Văn P. trộm cắp xe mô tô của anh, đề nghị các bị cáo bồi thường giá trị xe cho anh là 14.000.000 đồng. Tại đơn xin xử vắng mặt anh T. đề nghị các bị cáo bồi thường giá trị xe cho anh theo quy định pháp luật. Về hành vi của các bị cáo đề nghị xử lý theo quy định pháp luật

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Kỳ A. khai tại cơ quan điều tra (BL 278 - 284) thể hiện: Ngày 14/4/2020 anh đăng nhập tài khoản facebook vào “Hội mua bán trao đổi xe máy cũ” để tìm mua xe máy cũ làm phương tiện đi lại, anh thấy facebook “Vũ Hoàng” có giao bán xe Wave α màu đỏ, thấy đúng xe mình cần mua nên anh đã bình

lượn trao đổi mua bán và hẹn điện thoại trao đổi trực tiếp. Sau khi xem xe anh đã đồng ý mua chiếc xe mô tô trên với giá 5.500.000 đồng, khi mua bán không viết giấy tờ vì người bán xe bảo đang cần tiền gấp để đưa con đi bệnh viện và hẹn khi nào đi làm giấy tờ xe thì điện thoại cho anh đó. Anh không biết người bán xe cho anh tên gì, ở đâu, anh đó tự giới thiệu anh tên là “Hoàng”, tên thường gọi là “Bon”. Hôm sau anh được biết chiếc xe là tang vật trong vụ án hình sự nên anh đã tự giác giao nộp chiếc xe cho cơ quan Công an huyện Sơn Dương. Về dân sự anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại cho anh.

Tại công văn số 3746/AN-FC.20 ngày 8/9/2020 của Công ty tài chính V. và các tài liệu, chứng cứ gửi kèm theo thể hiện: Ngày 24/3/2019 bị cáo Nguyễn Văn Y. và Công ty tài chính V. có ký Hợp đồng tín dụng số 20190324-8932876 với nội dung bị cáo Y. vay của Công ty tài chính V. số tiền 22.050.000 đồng (bao gồm cả 1.050.000 đồng tiền phí bảo hiểm khoản vay) để mua xe mô tô trả góp, thời hạn trả trong 12 kỳ (12 tháng), số tiền phải thanh toán mỗi kỳ là 2.316.000 đồng. Cùng ngày Nguyễn Văn Y. có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 20190324-8932876 với nội dung bị cáo Y. thế chấp chiếc xe mô tô vừa mua cho Công ty tài chính V. để đảm bảo cho khoản vay trên, hiện Công ty tài chính V. đang giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 98B3-415.48 của Nguyễn Văn Y.. Thực tế, bị cáo Y. mới trả được 8 kỳ với số tiền 18.628.000 đồng (trong đó có 13.215.487 đồng tiền gốc, 5.316,513 đồng tiền lãi, 96.000 đồng phí thu hộ) và còn nợ số tiền 8.840.000 đồng đến nay chưa trả. Công ty tài chính V. Đề nghị Tòa án và Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo (xe mô tô) theo thủ tục bán phát mại để thu hồi nợ cho Công ty tài chính V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 24/3/2020 và 08/4/2020, bị cáo Nguyễn Văn Y. đã 03 lần, Vũ Văn B. 02 lần và Dương Văn P. 01 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

- Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/3/2020 tại tổ dân phố K, thị trấn S, huyện S, Nguyễn Văn Y. và Dương Văn P. có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Dream, biển kiểm soát 22B2 - 448.22 của anh Trần Anh T., trị giá 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/4/2020 tại Thôn V, xã T, huyện S, Nguyễn Văn Y. và Vũ Văn B. có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô kiểu dáng Wave α , nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển kiểm soát 22S1 - 269.54 của chị Ngô Thị T., trị giá 13.491.520 đồng

- Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 08/4/2020 tại Thôn P, xã C, huyện S, Nguyễn Văn Y. và Vũ Văn B. có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu Honda, màu nâu, BKS 22K8 – 5807 của anh Lục Văn Q., trị giá 3.540.000 đồng

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi Trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Y. có 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo B. có 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên các bị cáo Phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P. có 01 tiền án về tội *Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ* chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu để trộm cắp. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau khi phạm tội các bị cáo mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Trong đó bị cáo Y. là người mang theo vạm phá khóa và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe, bị cáo B. và P. là người điều khiển xe mô tô chở Y. đi và cảnh giới cho Y. thực hiện hành vi trộm cắp. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét nhân thân và mức độ phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Y. là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tham gia cả 03 lần và trực tiếp bán 02 xe mô tô nên bị cáo giữ vai trò chính, cần xử bị cáo mức án cao nhất. Bị cáo B. và P. là người thực hành tích cực, bị cáo B. tham gia 02 lần, bị cáo P. tham gia 01 lần nhưng phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên vai trò các bị cáo ngang nhau, xét tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của 02 bị cáo thì bị cáo B. tham gia 2 lần, giá trị tài sản cao hơn, trực tiếp bán 01 xe mô tô nên phải chịu mức án cao hơn bị cáo P..

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ của bị cáo Y. 01 bộ vam phá khóa, 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá, 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3-415.48. Đối với bộ vam phá khóa là vật chứng không có giá trị sử dụng; đối với bộ đồ sử dụng ma túy là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98B3-415.48 là xe của bị cáo Nguyễn Văn Y., bị cáo đã dùng xe làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, do bị cáo mua xe mô tô trên dưới hình thức trả góp hàng tháng và mới trả được 01 phần hiện chưa thanh toán hết tiền cho Công ty tài chính V. nên sau khi bán hóa giá cần ưu tiên trả hết khoản tiền mua xe bị cáo Y. còn nợ cho Công ty tài chính V. là 8.840.000 đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền còn lại tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa ngày 17/8/2020 các bị cáo Nguyễn Văn Y., Vũ Văn B. và bị hại Lục Văn Q. đã thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường dân sự cụ thể: Các bị cáo Y. và B. có nghĩa vụ liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho anh Q. số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo bồi thường 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại là tự nguyện không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Y. và Dương Văn P. nhất trí bồi thường cho anh T. giá trị của xe mô tô các bị cáo đã trộm cắp theo quy định pháp luật. Xét việc các bị cáo nhất trí bồi thường là tự nguyện nên HĐXX ghi nhận, các bị cáo Y. và P. có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh T. giá trị của chiếc xe mô tô theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng), chia ra mỗi bị cáo bồi thường 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bị hại Ngô Thị T. đã nhận lại được xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với số tiền bị cáo Vũ Văn B. bán xe máy cho Hoàng Kỳ A. được 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo đã chi tiêu hết khoản tiền trên. Do anh Hoàng Kỳ A. không yêu cầu bị cáo B. phải hoàn trả lại số tiền trên nên không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22S1-269.54, là tài sản của chị Ngô Thị T., Cơ quan điều tra đã trả xe cho chị T. do ông Nghiêm Văn H. là người đại diện theo ủy quyền của chị T. nhận thay nên không xem xét.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Văn Y., Dương Văn P., Công an huyện Sơn Dương đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng đối với mỗi bị cáo nên không xem xét.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Án phí HSST: Các bị cáo Nguyễn Văn Y., Dương Văn P. và Vũ Văn B., mỗi bị cáo Phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí DSST: Bị cáo Y. phải chịu 460.000 đồng (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí có giá ngạch; bị cáo P. phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí không có giá ngạch; bị cáo B. phải chịu 375.000 đồng (ba trăm B. mươi lăm nghìn đồng) án phí có giá ngạch.

- Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Y., Vũ Văn B., Dương Văn P. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Y.** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/4/2020).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Vũ Văn B.** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/4/2020).

4. Căn cứ khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Dương Văn P.** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (23/4/2020).

5. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật Dân sự:

- Các bị cáo Nguyễn Văn Y. và Vũ Văn B. có nghĩa vụ liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho anh Lục Văn Q. 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo Phải bồi thường cho anh Q. số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Các bị cáo Nguyễn Văn Y. và Dương Văn P. có nghĩa vụ liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho anh Trần Anh T. là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng), chia ra mỗi bị cáo Phải bồi thường cho anh T. số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

6. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ vạm phá khóa là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng và 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) phần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98B3-415.48 của bị cáo Nguyễn Văn Y. là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Số tiền bán xe được trả cho Công ty tài chính V. khoản tiền bị cáo Y. mua xe còn nợ là 8.840.000 đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền còn lại tịch thu sung quỹ nhà nước.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2020 giữa Công an huyện Sơn Dương với Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương).

7. Căn cứ vào: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn Y. phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 460.000 đồng án phí DSST có giá ngạch, tổng cộng là 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bị cáo Vũ Văn B. phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 375.000 đồng án phí DSST có giá ngạch, tổng cộng là 575.000 đồng (năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo Dương Văn P. phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch, tổng cộng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện SD;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

Tạ Hồng Chiến